

Số: 553 /GPMT-UBND

Bình Thuận, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận tại Văn bản số 2146/BVBT-HCQT ngày 13 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 24/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận, địa chỉ tại đường Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận” tại đường Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 1992 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thành lập Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận.

1.4. Mã số thuế: 3400277192.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, với công suất lớn.

- Cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất của Cơ sở: 51.796,6 m².

- Các hạng mục công trình: Gồm 19 khoa chuyên môn, cụ thể: Khoa cấp cứu, Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc, Khoa Nội Tổng hợp A, Khoa Nội Tổng hợp B, Khoa tim mạch, Khoa Ngoại tổng quát, Khoa Ngoại thận - tiết niệu, Khoa Ngoại thần kinh - Lồng ngực, Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình, Khoa Sản, Khoa Nhi, Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Khoa Ung bướu, Khoa nhiễm, Khoa Tâm thần, Khoa Mắt, Khoa Tai mũi họng, Khoa Răng Hàm Mặt, Khoa Y, Dược Cổ Truyền.

- Quy mô giường bệnh: 910 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Được phép thực hiện xử lý chất thải y tế lây nhiễm (không sắc nhọn) phát sinh tại bệnh viện theo quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 24 tháng 3 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Phan Thiết tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy

phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Minh);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Y tế;
- UBND thành phố Phan Thiết (để phối hợp chỉ đạo);
- Phòng NN&MT thành phố Phan Thiết;
- Bệnh viện ĐK tỉnh Bình Thuận;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 553 /GPMT-UBND ngày 25 /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân nội trú, ngoại trú và cán bộ y tế.
- Nguồn nước thải số 02: Nước thải từ nhà ăn của bệnh viện.
- Nguồn nước thải số 03: Nước thải từ hoạt động giặt tẩy của bệnh viện.
- Nguồn nước thải số 04: Nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ y tế.
- Nguồn nước thải số 05: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ phẫu thuật, vệ sinh phòng phẫu thuật.
- Nguồn nước thải số 06: Nước thải từ quá trình xả ra của thiết bị cắt, hấp khử khuẩn.
- Nguồn nước thải số 07: Nước thải từ vệ sinh sàn nhà chứa thiết bị cắt hấp, khử khuẩn.
- Nguồn nước thải số 08: Nước thải từ quá trình vệ sinh thùng rác tại khu vực nhà chứa chất thải rắn thông thường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận được thu gom, xử lý đạt Cột B, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (K=1) thoát ra hệ thống cống chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3° : X (m) = 1209729; Y (m) = 454944.

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 600 m³/ngày đêm, tương đương 25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm theo đường ống cống bê tông D400 chiều

dài 12 m dẫn về hố ga thoát nước thải chung và nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đem theo đường ống uPVC D160 chiều dài 95 m dẫn về hố ga thoát nước thải chung. Từ đây tạo thành một dòng thải thoát ra hệ thống cống chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Cột B, QCVN 28:2010/ BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (K=1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40	6 tháng/lần	Quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
13	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
14	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
16	Vibro cholera	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn nước thải số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh mỗi khu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn sẽ tự chảy qua hệ thống ống PVC D60 và D114 về hệ thống thoát nước thải chung của bệnh viện và dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 02: Nước thải phát sinh từ nhà ăn được dẫn về hố ga lắng tách dầu mỡ bằng đường ống PVC D114. Nước thải sau hố ga lắng tách dầu mỡ được dẫn về hệ thống thoát nước thải chung bằng đường ống uPVC D168 với chiều dài 55 m bằng phương thức tự chảy dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 03: Nước thải từ hoạt động giặt tẩy được dẫn về hệ thống thoát nước thải chung bằng đường ống PVC D114 sau đó dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 04: Bao gồm nước thải xét nghiệm và nước thải súc rửa vệ sinh dụng cụ xét nghiệm, dược phẩm bị bỏ, nhiễm khuẩn được phân loại và xử lý sơ bộ bằng cách khử khuẩn an toàn bằng hóa chất có phổ diệt khuẩn rộng và ngâm trong các dung dịch này từ 10 - 15 phút và pha loãng với nước thành dạng lỏng, sau đó dẫn về hệ thống thoát nước chung bằng đường ống uPVC D90 và dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 05: Nước thải từ phòng phẫu thuật sẽ được thu gom dẫn về hệ thống thoát nước thải chung bằng hệ thống đường ống uPVC D90, sau đó dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 06: Nước thải xả ra sau khi kết thúc quá trình cắt, hấp khử khuẩn được thu gom bằng đường ống PVC D90 tự chảy về hệ thống thoát nước chung và dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 07: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh sàn nhà được thu gom bằng hệ thống rãnh đập ghi gang có đường kính 200 mm. Nước thải được thu gom tự chảy về hệ thống thoát nước chung bằng đường ống PVC D90, sau đó dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải số 08: Nước phát sinh từ quá trình vệ sinh các thùng chứa rác tại khu vực nhà chứa chất thải rắn thông thường được thu gom bằng đường ống PVC D114 tự chảy về hệ thống thoát nước chung, sau đó dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

Tất cả các nguồn thải nêu trên được thu gom về hệ thống thoát nước chung có kết cấu bằng BTCT với D200 và D400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải 400m³/ngày.đêm. Tại bể điều hòa của hệ thống 400 m³/ngày.đêm, một phần nước thải sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày.đêm và lượng nước thải còn lại sẽ được bơm về các công đoạn xử lý phía sau của hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm hiện hữu (quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống này sẽ ngưng hoạt động khi thực hiện xong việc cải tạo).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể thu gom/Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học hiếu khí dạng mẻ SBR 1,2,3 → Bể Khử trùng → Nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm sau khi cải tạo.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý cải tạo: Nước thải/Song chắn rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR – A → Bể MBBR – B → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước thải chung → Nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ozone.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải đầu vào phân phối từ Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày.đêm → Bể tách dầu mỡ → Bể kỵ khí → Bể thu gom và bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lọc màng sinh học MBR → Bể chứa nước sạch → Hồ ga thoát nước thải chung → Nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố Phan Thiết trên đường Lê Duẩn, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ozone.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: Lắp đặt 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Hồ ga thoát nước thải chung sau xử lý của 02 hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm và công suất 200 m³/ngày.đêm.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, Amoni (tính theo N).

- Camera theo dõi: Lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Thời gian hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Cung cấp đầy đủ các yếu tố cần thiết cho quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải như: Nhân sự, cấp điện, hóa chất khử trùng, thiết bị xử lý,...

- Định kỳ theo dõi chế độ vận hành của máy móc thiết bị, kịp thời bảo trì, sửa chữa và thay thế khi có hỏng hóc. Máy móc luôn có thiết bị dự phòng và đảm bảo trong chế độ sẵn sàng hoạt động.

- Liên tục theo dõi chất lượng nước thải qua các giai đoạn để kịp thời đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn xử lý. Từ đó, phát hiện các sự cố có khả năng xảy ra như hóa chất, vi sinh hiếu khí, bùn nổi,... và khắc phục khi có sự cố.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm trở lại bể thu gom, bể điều hòa để lưu trữ và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, không thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nhân viên vận hành hệ thống tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) Trường hợp sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, cán bộ vận hành cần tiến hành kiểm tra, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục sự cố, sau khi khắc phục, tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; (2) Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (3) Trường hợp nước thải trong các bể bị ú đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm hỏng, vệ sinh bơm/công tắc phao khi bị nghẹt; (4) Trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm tuần hoàn nước thải chưa xử lý về bể điều hòa để tiếp tục xử lý; (5) Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Bệnh viện sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ các bể chứa nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm sau khi cải tạo và từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày sau khi cải tạo và hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày và 200 m³/ngày.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thải ra môi trường.

Quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện phải thực hiện quan trắc các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này. Đồng thời tổ chức theo dõi, giám sát kết quả quan trắc tự động liên tục, có camera theo dõi và kết nối, truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận theo quy định.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm: Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Mẫu tổ hợp: 01 mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối), được trộn đều với nhau.

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin của quá trình vận hành.

3.4. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đáp ứng giá trị giới hạn tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 553 /GPMT-UBND ngày 25 /3 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn khí thải: Phát sinh từ thiết bị chụp hút khí, giảm mùi của thiết bị cắt, hấp khử khuẩn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Vị trí xả thải:

Khu vực nhà chứa thiết bị cắt hấp, khử khuẩn nằm trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận.

Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3° : X (m) = 1209815; Y (m) = 455031.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.600 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn theo các thời điểm trong ngày, chu kỳ: 04 lần/ngày; thời gian xả cho mỗi chu kỳ: 10 phút/chu kỳ.

2.2.2. Chất lượng khí thải khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Nhiệt độ	⁰ C	-	Theo kế hoạch của Chủ cơ sở và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Không áp dụng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50		
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
5	Hydro Sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
6	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
7	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải (mùi, hơi nước) phát sinh từ hệ thống thiết bị cắt, hấp khử khuẩn: Sau mỗi mẻ vận hành, Cơ sở xả khí dư từ hệ thống hấp khử khuẩn tại công đoạn xả khí và hút chân không lắp đặt thiết bị chụp hút mùi cửa trên và công đoạn mở cửa xả dưới sau khi kết thúc quá trình khử khuẩn lắp đặt thiết bị chụp hút mùi cửa dưới. Tại mỗi miệng phễu chụp hút, lắp đặt quạt hút với lưu lượng hút 3.500 m³ - 4.300 m³/giờ/miệng hút. Lượng khí thải đi qua lớp than hoạt tính để khử khuẩn với hiệu suất xử lý từ 85% - 90%. Hai dòng khí thải của mỗi miệng hút di chuyển vào chung một đường ống và được máy bơm áp lực cao công suất ¼ HP - 200W phun nước nhằm giảm mùi khí thải trước khi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi hôi, hơi nước tại công đoạn xả khí và hút chân không và công đoạn mở cửa xả dưới sau khi kết thúc quá trình khử khuẩn → Thiết bị chụp hút mùi → Lớp than hoạt tính → Hai dòng khí di chuyển vào chung một đường ống → Máy bơm nước áp lực cao → Khí thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.300 m³/giờ/miệng phễu, có 02 miệng phễu công suất 8.600 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống chụp hút khí, giảm mùi của thiết bị cắt, hấp khử khuẩn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu ra của hệ thống chụp hút khí, giảm mùi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thải ra môi trường.

Quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện phải thực hiện quan trắc các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo

giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm: Việc lấy mẫu khí thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình, thiết bị xử lý khí thải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

+ Mẫu tổ hợp được xác định theo một trong hai trường hợp sau:

Một mẫu tổ hợp được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục (phương pháp đẳng động lực, đẳng tốc và phương pháp khác theo quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường) để đo đạc, phân tích các thông số theo quy định hoặc một mẫu tổ hợp được xác định kết quả là giá trị trung bình của 03 kết quả đo đạc của các thiết bị đo nhanh hiện trường (kết quả đo bằng các thiết bị đo hiện số) theo quy định của pháp luật ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất;

+ Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc bụi, khí thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và mẫu tổ hợp đầu ra);

+ Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của từng công trình, thiết bị; trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc bụi, khí thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải.

3.3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 1000 KVA (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện), tuy nhiên, nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Khí thải được thoát ra ống khói có chiều cao 3 m so với mặt đất, tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209791$;

$Y (m) = 454841.$

3.4. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 553/GPMT-UBND ngày 25 /3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 02: Tại khu vực đặt máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Tại khu vực đặt máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ đại diện: X = 1209816; Y = 454799.
- Nguồn số 02: tọa độ đại diện: X = 1209746; Y = 454925.
- Nguồn số 03: tọa độ đại diện: X = 1209784; Y = 455006.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o30', múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21h	Từ 21-6h		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

1.1. Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Bệnh viện để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.3. Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng cách âm, công trình được xây bằng gạch bằng 02 lớp có khả năng cách âm tương đối tốt, trát xi măng, có mái che mưa, nền bê tông xi măng. Bộ đặt máy phát điện bằng bê tông chắc chắn, có lót lớp cao su đệm giúp hạn chế độ rung. Máy phát điện được lắp đầu giảm thanh nhằm hạn chế tiếng ồn ra môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 553 /GPMT-UBND ngày 25 /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI:**1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại:**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Hệ thống thiết bị cắt, hấp khử khuẩn	65 kg/mẻ 260 kg/ngày	01

2. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (không bao gồm chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Hấp ướt	94,9

3. Trạm trung chuyển chất thải y tế nguy hại:

Bệnh viện chỉ xử lý lượng chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn phát sinh tại bệnh viện bằng thiết bị cắt, hấp khử khuẩn.

4. Địa bàn hoạt động:

TT	Vùng	Tỉnh
1	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:**1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:****1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại:**

Bố trí thùng chứa rác loại thùng đứng có nắp đậy, màu vàng, có dán nhãn đặt tại kho chất thải y tế nguy hại và xử lý chất thải phát sinh trong ngày.

1.2. Khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

- Khu vực nhà chứa chất thải rắn: 88 m².

- Thiết kế, cấu tạo nhà chứa: Kết cấu xây bằng BTCT, có mái che, có gờ chống tràn, rãnh thu gom trường hợp chất thải nguy hại bị đổ tràn.

2. Hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại (không sắc nhọn) đưa vào hệ thống lò hấp khử khuẩn
→ Nghiền cắt rác → Tiến hành hấp khử khuẩn thông qua hệ thống hơi nước → Rác thải sau khi hấp khử khuẩn trở thành chất thải rắn thông thường.

- Công suất thiết kế: 260 kg/ngày (tương đương 94,9 tấn/năm).

- Sản phẩm sau xử lý: Chất thải y tế nguy hại sau khi qua công đoạn hấp khử khuẩn tiệt trùng trở thành chất thải rắn thông thường theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

3.1. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Có thiết bị lưu trữ chất thải y tế nguy hại khi sự cố lò hấp khử khuẩn bị sự cố. Thiết bị lưu trữ có nhiệt độ đủ lạnh để lưu trữ tối đa 07 ngày theo quy định.

- Có phương án phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với thiết bị cắt, hấp khử khuẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, hạn chế tối đa sự cố xảy ra.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Vận hành hệ thống thiết bị hấp khử khuẩn đảm bảo đúng quy định tại QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Chất thải y tế nguy hại sau khi qua công đoạn hấp khử khuẩn được xử lý như chất thải rắn thông thường với điều kiện phải đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật theo quy định.

Phụ lục 5
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 553 /GPMT-UBND ngày 25 /3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	150.000	NH
2	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	30	KS
3	Dược phẩm có thành phần gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	13 01 03	50	NH
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	20	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân (nhiệt kế)	Rắn	16 01 06	170	NH
6	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	40	NH
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	18 02 01	10	KS
8	Pin/Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	40	NH
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	12 06 06	10.000	KS
Tổng cộng				160.360	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4,5m ³ rác/ngày
	Tổng khối lượng	4,5m³ rác/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn sau khi hấp khử khuẩn trở thành chất thải thông thường	Rắn	13 03 03	94.900	TT
2	Chất thải nhựa từ hoạt động chuyên môn y tế	Rắn	03 02 12	2.600	TT – R
Tổng khối lượng				97.500	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (trừ chất y tế lây nhiễm không sắc nhọn):

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy màu vàng (dung tích thùng 220 lít).

- Khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 88 m², kết cấu xây bằng bê tông cốt thép, nền lót gạch, có mái che mưa, thiết kế cửa ra vào có gờ cao không để nước mưa chảy tràn.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 220 lít/thùng.

- Khu vực lưu giữ: Diện tích 42,3 m², có kết cấu bằng bê tông cốt thép, nền gạch, có mái che mưa, có gờ chống nước mưa chảy tràn, có cửa đóng tránh gián, chuột xâm nhập và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 220 lít/thùng.

- Khu vực lưu giữ: Diện tích 42,3 m², có kết cấu bằng bê tông cốt thép, nền gạch, có mái che mưa, có gờ chống nước mưa chảy tràn, có cửa đóng tránh gián, chuột xâm nhập và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 6

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 553 /GPMT-UBND ngày 25 /3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Vận hành thường xuyên các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải y tế nguy hại) đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép trước khi thải ra môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,... theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.